

BẢNG TÙY CHỌN MUA THÊM

TT	mã VX	Tên hoạt chất mời thầu	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng tùy chọn mua thêm	Giá trị tùy chọn mua thêm
1	VX01	Virus đại bất hoạt (chủng L.Pasteur 2061/Vero được nhân giống trên tế bào Vero)	5	≥ 2,5 IU/0,5ml	Tiêm bắp/ Tiêm trong da	Bột đông khô pha tiêm	Lọ	600	113,904,000
2	VX02	Virus đại bất hoạt (chủng Pitman moore, được nhân giống trên tế bào Vero)	5	≥ 2,5 IU/0,5ml	Tiêm bắp/ Tiêm trong da	Bột đông khô pha tiêm	Lọ	1,500	254,835,000
3	VX03	Giải độc tố uốn ván tinh chế	4	≥ 40 IU/0,5ml	Tiêm bắp sâu	Hỗn dịch tiêm	Ống	600	9,757,200
4	VX04	Globulin kháng độc tố uốn ván	4	1500 đvqt	Tiêm bắp	Dung dịch tiêm	Ống	600	20,911,200
5	VX05	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết ≥ 95%)	5	10mcg/0,5ml	Tiêm bắp sâu	Hỗn dịch tiêm	Lọ	30	1,678,950
6	VX06	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết ≥ 95%)	5	20mcg/1ml	Tiêm bắp sâu	Hỗn dịch tiêm	Lọ	150	11,985,750
7	VX07	A/ Brisbane/02/2018 (H1N1) pdm09-like strain (A/Brisbane/02/2018,IVR-190)-15mcg haemagglutinin; A/South Australia/34/2019 (H3N2)- like strain (A/South Australia/34/2019, IVR - 197) - 15mcg haemagglutinin; B/ Washington/02/2019 -like strain (B/ Washington/02/2019, wild type)- 15mcg haemagglutinin; B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Yamagata/16/88 lineage) (B/Phuket/3073/2013, wild type)	1	15 mcg HA/chủng/ 0,5ml/liều	Tiêm bắp hoặc tiêm sâu dưới da	Hỗn dịch tiêm	Liều	105	27,720,000
8	VX08	Virus viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết (chủng SA 14-14-2)	5	6mcg/0.5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Lọ	30	11,497,500

9	VX09	Virus sởi sống, giảm độc lực (chủng Schwarz); Virus quai bị sống, giảm độc lực (chủng RÍT 4385); Virus rubella sống, giảm độc lực (chủng Wistar RA 27/3)	1	>103,0CCID50 ; >103,7CCID50; >103,0CCID50	Tiêm dưới da	Bột đông khô và dung dịch pha tiêm	Lọ	60	16,200,000
10	VX10	Mọi liệu 0,5mL chứa 30mcg protein LI HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein LI HPV týp 16; 40mcg protein LI HPV týp 18; 20mcg protein LI HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	1	0.5ml	Tiêm bắp	Hỗn Dịch Tiêm	Liều	60	163,611,000
11	VX11	Huyết thanh týp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mg; huyết thanh týp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; huyết thanh týp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mg; huyết thanh týp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mg; huyết thanh týp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mg; huyết thanh týp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4mg, huyết thanh týp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mg, huyết thanh týp 9V	1	0,5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Bơm tiêm	60	64,638,000

12	VX12	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg ; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg	1	0,5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Bom tiêm	30	42,014,700
13	VX13	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA) $\geq 103,3$ PFU	1	$\geq 103,3$ PFU	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Lọ	60	50,169,840
14	VX14	Virus viêm gan A được nuôi cấy trong tế bào lưỡng bội MRC5 của người, bất hoạt: Không dưới 720 đơn vị ELISA của virus HA bất hoạt. Kháng nguyên bề mặt viêm gan B bất hoạt: 20mcg.	1	720 Elisa units; 20mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Liều	30	15,327,660

15	VX15	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) > 3,3 log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 2 MIUS Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) 2.7 log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) > 4.0 log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (MI US sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) > 4,5 log 10 PFU	5	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) > 3,3 log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) > 2.7 log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) > 4,0 log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) >4.5 log 10 PFU	Tiêm dưới da	Bột pha tiêm	Liều	60	57,620,160
								Cộng	861,870,960